

Số: 712 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;  
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ  
trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của  
UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Quyết định số 292/QĐ-LĐTBXH ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 18/TTr-SLĐTBXH-VP ngày 17/5/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã. (kèm theo Danh mục).

**Điều 2.**

Sở Lao động-Thương binh và xã hội có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo Quyết định công bố trên và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giảm nghèo và lĩnh vực bảo trợ xã hội tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 và Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (kèm theo Danh mục).

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BỎ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 712 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CẤP HUYỆN**

**Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>						
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (UBND cấp xã nhận 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - UBND cấp huyện 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ Xã hội; Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Những thủ tục còn lại của TTHC được thực hiện theo Quyết định số 292/QĐ-LĐTBXH ngày 16/3/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

**I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực giảm Nghèo</b>					
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Thời gian giải quyết: Rà soát từ ngày 01/9 đến hết ngày 14/12 hàng năm)</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.	Những thủ tục còn lại của TTHC được thực hiện theo Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội V/v công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm	
3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không		
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không		

					nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025 và mẫu biểu báo cáo. - Thông tư số 07/2021/TT- BLĐT BXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025 và mẫu biểu báo cáo.	
--	--	--	--	--	---	--

## II. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định được công bố	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Ghi chú
	<b>Lĩnh vực giảm nghèo và lĩnh vực bảo trợ xã hội</b>			
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 27/12/2018	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 27/12/2018		
3	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 01/7/2016		

	có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế			
--	---	--	--	--